TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 20/4/2018
"V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đàm Quang Hiệp.
Các Hội thẩm nhân:
- Bà Lê Thị Thanh Sơn.
- Ông Hoàng Triệu Nghĩa.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2018, về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ T.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/9/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị vào miền Nam để làm ăn, sinh sống. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường hay nhậu nhẹt, về nhà lại

kiếm cớ gây sự rồi đánh đập chị. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, vợ chồng có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M số tiền 75.000.000 đồng (do anh T đứng tên trong sổ tiết kiệm). Đến ngày 15/01/2018, anh T đã tự ý rút toàn bộ số tiền gửi tại ngân hàng là 79.807.400 đồng. Trong đó 75.000.000 đồng tiền gốc, 9.807.400 đồng tiền lãi. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh T phải thối chia cho chị 39.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 22/02/2018 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị Trần Thị Mỹ T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vả, xô xát nhau. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Việc chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, vì chị T muốn ly hôn chứ anh không muốn ly hôn, anh mong muốn vợ chồng quay về chung sống.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có 75.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh M và vợ chồng bỏ hủ tiết kiệm khoảng 25.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Tất cả số tiền này anh đã chi tiêu cho cá nhân hết. Khi anh rút tiền từ Ngân hàng cũng như đập hủ tiết kiệm anh không nói cho chị T biết. Việc chị T yêu cầu anh phải thối chia một phần hai giá trị tài sản anh đang giữ anh không đồng ý vì anh đã tiêu xài hết.

Các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp cho Tòa án: Giấy trích lục kết hôn (Bản sao), Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị Mỹ T (Bản sao), sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Võ Thị H (Bản sao), chứng từ giao dịch đề ngày 15/01/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh M.

Các tình tiết các đương sự đã thống nhất được với nhau:

- Về con chung, nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Có 75.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh M.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất được với nhau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Văn T không đồng ý.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Mỹ T yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải thối

lại ½ số tài sản chung, anh T không đồng ý.

Lý lẽ, lập luận của các đương sự:

- Chị T trình bày: Anh T thường xuyên kiếm cớ gây gỗ và còn có hành vi bạo lực đối với chị. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, vợ chồng có 75.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh M. Anh T tự ý rút hết tiền tiết kiệm và giữ nên chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm thối lại cho tôi 39.000.000 đồng để tôi có thể tự lo cho cuộc sống của bản thân.

- Anh T vắng mặt tại phiên toà, không có lý lẽ và lập luận gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 33, 35, 51, 53, 56, 59 Luật HNGĐ 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

+ Chị Trần Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

+ Anh T có trách nhiệm thối lại cho chị T ½ tài sản chung là 39.000.000đ.

+ Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định, chị T chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Mỹ T và bị đơn Nguyễn Văn T kết hôn nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/9/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Chị T cho rằng anh T có hành vi bạo lực với chị, nên chị yêu cầu được ly hôn, anh T thì không đồng ý. Tuy nhiên, anh cũng thừa nhận trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát nhau. Thực tế, chị T và anh T đã ly thân nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay, phần ai nấy

sống, không còn quan hệ với nhau nữa. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[3] Về con chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có 75.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh M (Chưa tính tiền lãi). Ngoài ra bị đơn còn cho rằng có thêm 25.000.000 đồng do buôn bán có được. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thối ½ số tiền gửi tiết kiệm, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thối lại cho nguyên đơn 39.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng đã sử dụng hết số tài sản chung vào mục đích cá nhân. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có 75.000.000 đồng là tài sản chung gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông chi nhánh M (Chưa tính tiền lãi), đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chị T yêu cầu anh T phải thối lại cho chị 39.000.000 đồng (*chưa đến ½ số tiền gửi tiết kiệm và tiền lãi*) là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với số tiền 25.000.000 đồng bị đơn trình bày, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và 5% giá trị tài sản được nhận. Bị đơn phải chịu 5% giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 và 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về tài sản chung: Buộc anh Nguyễn Văn T phải thối lại cho chị Trần Thị Mỹ T số tiền 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 1.950.000đ *(Một triệu chín trăm mươi nghìn*

đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu là 2.250.000đ *(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0000943, ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Chị T còn phải nộp thêm 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 2.040.370đồng, làm tròn số là 2.040.000đ (*Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Trần Thị Mỹ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/4/2018). Đối với anh Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đàm Quang Hiệp